

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2018.

V/v “Ly hôn và chia tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Minh

2. Ông Đặng Công Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2017 về việc “Xin ly hôn và chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-DS ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Q. Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xóm T xã H, huyện K, tỉnh N

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T. Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Xóm T, xã H huyện K, tỉnh N.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Đinh Thị Q trình bày:

Về tình cảm: Chị Đinh Thị Q và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn

vào ngày 10/11/1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại xóm T, xã H, huyện K, tỉnh N. Trong suốt quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo tu chí làm ăn, suốt ngày rượu chè, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc với nhau làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi, không có hạnh phúc. Mặc dù chị Q đã nhiều lần tha thứ, bỏ qua nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình nên hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2017 cho đến nay. Chị Q xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể nào hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 05 người con chung. Con thứ nhất tên là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 22/12/1997. Con thứ hai tên là Nguyễn Quỳnh P, sinh ngày 10/7/1999. Con thứ ba tên là Nguyễn Bảo L và con thứ tư tên là Nguyễn Bảo V, đều sinh ngày 02/02/2004 (sinh đôi). Con thứ năm tên là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 03/10/2007. Con thứ nhất và con thứ hai nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Đinh Thị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con còn lại cho đến khi các con trưởng thành và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Tài sản chung của vợ chồng gồm có:

1. 01 căn nhà gỗ hai gian lợp bằng ngói trị giá khoảng 100.000.000đ;
2. 01 nhà bếp trị giá khoảng 10.000.000đ;
3. 01 xe máy trị giá khoảng 30.000.000đ;
4. 01 tủ lạnh trị giá khoảng 2.000.000đ;
5. 01 máy giặt trị giá khoảng 2.000.000đ;
6. 01 ti vi trị giá khoảng 2.000.000đ;
7. 01 bình nóng lạnh trị giá khoảng 500.000đ;
8. 01 bộ salon trị giá khoảng 1.000.000đ;
9. 01 giường gỗ đôi trị giá khoảng 1.000.000đ;

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi thừa nhận điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng như chị Q trình bày là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do là vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên cãi vã, bất hòa quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên chị Q làm đơn xin ly hôn. Anh T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung như chị Q trình bày là đúng

thực tế. Anh T đề nghị giải quyết về quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng như chị Q trình bày ở trên là đúng. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng chị Q và anh T không thể đoàn tụ, không thể thỏa thuận được với nhau về quan hệ tình cảm, con chung và tài sản chung. Xét thấy vụ án cần được tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mới giải quyết được vụ án, nên ngày 02/3/2018, Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật, các tài sản, thẩm định, định giá đã được các bên đương sự cùng thừa nhận để làm căn cứ giải quyết cho hai vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Kết quả tổng giá trị tài sản chung của hai vợ chồng là 138.073.000đ, cụ thể: Công trình, vật kiến trúc: 79.797.604đ; Cây cối, hoa màu: 38.325.000đ; Tài sản, vật dụng khác: 19.950.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật, bị đơn thực hiện tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu của chị Đinh Thị Q, đồng ý cho chị Đinh Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con cái: Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên hòa giải ngày 17/4/2018. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giao ba con Nguyễn Bảo L, Nguyễn Bảo V (đều sinh ngày 02/2/2004) và Nguyễn Hoài N, sinh ngày 03/10/2007 cho chị Đinh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành. Chị Đinh Thị Q không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Đối với hai con Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1997 và Nguyễn Quỳnh P, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên hòa giải ngày 17/4/2018. Áp dụng Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015 khoản 1, 3, 4 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

* Giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền sử hữu:

+ 01 ngôi nhà 02 gian và các công trình phụ trợ trị giá 79.797.604đ.

- + Các loại cây cối trong vườn trị giá 38.325.000đ.
- + Một số tài sản vật dụng khác trị giá 19.950.000đ.

Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn Văn T được nhận là: 132.873.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

* Giao cho chị Đinh Thị Q được quyền sở hữu:

- + 01 giường gỗ đôi trị giá 800.000đ.
- + 01 máy giặt trị giá 3.000.000đ.
- + 01 máy lọc nước trị giá 600.000đ.
- + 01 sập gỗ lim trị giá 800.000đ.

Tổng giá trị tài sản chị Đinh Thị Q được nhận là: 5.200.000đ (Năm triệu hai trăm ngàn đồng). Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Đinh Thị Q 63.836.500đ (Sáu mươi ba triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2, 3, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, nộp, miễn, giảm quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Buộc nguyên đơn chị Đinh Thị Q phải chịu 300.000đ tiền án phí không giá ngạch và 1.725.913đ tiền án phí chia tài sản.

+ Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu 1.725.913đ tiền án phí chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Văn T đúng quy định của pháp luật, anh T đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh N và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Đinh Thị Q và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp. Trong

thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin ở nhau. Sự việc đã được gia đình nội ngoại hai bên hòa giải, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành, chị Q và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2017 cho đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Lý do anh T không thuận tình ly hôn là vì anh theo Đạo Thiên chúa giáo nên không thỏa thuận ly hôn nhưng thực chất tình cảm giữa hai vợ chồng hiện nay đã không còn. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị Q và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc chị Q làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị Q được ly hôn với anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 05 con chung. Con thứ nhất tên là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 22/12/1997. Con thứ hai tên là Nguyễn Quỳnh P, sinh ngày 10/7/1999. Con thứ ba tên là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 02/2/2004. Con thứ tư tên là Nguyễn Bảo V, sinh ngày 02/2/2004. Con thứ năm tên là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 03/10/2007. Con thứ nhất và con thứ hai nay đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự và có đủ sức khỏe để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình hòa giải, chị Q và anh T đã tự nguyện thỏa thuận giao ba con Nguyễn Bảo L, Nguyễn Bảo V, Nguyễn Hoài N cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành. Xét điều kiện hoàn cảnh của hai con Nguyễn Bảo L và Nguyễn Bảo V là hai con sinh đôi, có nhược điểm về phát triển trí tuệ, được hưởng trợ cấp xã hội, còn con Nguyễn Hoài N còn nhỏ. Theo lời khai chị Q trình bày là chị đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con, cả 3 con đã ở với ông bà ngoại từ nhỏ, không ở với bố. Việc thỏa thuận giao 3 con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với thực tế cũng như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận sự thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Bảo L, Nguyễn Bảo V, Nguyễn Hoài N cho chị Đinh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đinh Thị Q không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm là phù hợp với điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau này hai bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Về tài sản chung: Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 15/3/2018 của Hội đồng định giá và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Công trình, vật kiến trúc:

+ Nhà kết cấu bằng gỗ 2 gian (chưa tính phần xây bao): Nhà khung gỗ nhóm 2, chiều cao trung bình cột 4,5m; mái lợp ngói 22v/m² ; nền lát bằng gạch ceramic; không trần trị giá: 40.488.525 đồng;

+ Khối xây tấp lô, trát vữa xi măng (xây bao quanh nhà gỗ) trị giá: 3.649.779. đồng;

+ Nhà xây bao (chưa tính phần khung gỗ và mái), tường tấp lô 150, nền lát gạch, quét vôi ve, cao 4m, lát gạch, không có cửa trị giá: 12.326.706 đồng;

+ Mái ngói (phần nhà xây bao) 22 viên/m² , xà gồ gỗ nhóm 3-4, cầu phòng, mèng gỗ nhóm 5-6 trị giá: 3.980.025 đồng;

+ Khối xây tấp lô (phần nhà phụ phía sau) trị giá: 2.813.029 đồng;

+ Mái lợp fibro xi măng xà gồ gỗ nhóm 5-6 trị giá: 1.236.178 đồng;

+ Nhà tắm, nhà tiêu đơn giản: Móng đá, tường tấp lô 150 trát xi măng, nền láng xi măng, mái lợp fibro trị giá: 1.246.140 đồng;

+ Mái hiên: Lợp fibro xi măng xà gồ gỗ nhóm 5-6 trị giá: 1.763.868 đồng;

+ Bê tông cốt thép các loại (trụ, dầm) trị giá: 2.712.701 đồng;

+ Lan can hành lang con tiện xi măng, giằng bê tông trị giá: 661.500 đồng;

+ Khối xây tấp lô, có trát vữa xi măng (phần hiên nhà) trị giá: 1.305.612 đồng;

+ Khối xây tấp lô (bờ bao phần sân vườn) trị giá: 1.747.463 đồng;

+ Khối xây tấp lô (hồ nước) trị giá: 408.004 đồng;

+ Cột cổng không có mái; móng xây đá hộc kết hợp BTCT, thân xây tấp lô, trụ có lõi BTCT, trát vữa xi măng, ốp gạch ceramic trị giá: 4.073.682 đồng;

+ Giếng đào trị giá: 584.187 đồng;

+ Ống giếng bê tông ĐK 700, thành dày 50-70, mác 150 trị giá: 433.125 đồng;

+ Nền giếng bê tông gạch vỡ mác 75 trị giá: 367.080 đồng;

Tổng giá trị được định giá là: 79.797.604 đồng.

- Cây cối, hoa màu:

+ 04 cây bưởi Phúc Trạch trồng trên vùng chỉ dẫn địa lý (Hương Trạch) loại có quả ổn định từ 20-40 quả/năm trị giá: 6.800.000 đồng;

+ 16 cây bưởi Phúc Trạch trồng trên vùng chỉ dẫn địa lý (Hương Trạch) loại trồng trên 4 năm có quả dưới 20 quả/năm trị giá: 20.800.000 đồng;

+ 38 cây bưởi Phúc Trạch trồng trên vùng chỉ dẫn địa lý (Hương Trạch) loại 1-4 năm chưa có quả trị giá: 6.840.000 đồng;

+ 19 cây dó trầm loại có đường kính 9-15cm trị giá: 2.261.000 đồng;

- + 01 cây dó trầm loại có đường kính 25-35cm trị giá: 224.000 đồng;
 - + 02 cây cau cảnh đường kính 10-20cm trị giá: 400.000 đồng;
 - + 05 cây mít đường kính 10-20cm trị giá: 1.000.000 đồng;
- Tổng giá trị được định giá là: 38.325.000 đồng.

- Tài sản, vật dụng khác:

- + 01 bồn nước hiệu Sơn Hà loại 1000 lít trị giá: 1.475.000 đồng;
 - + 01 bình nóng lạnh hiệu Tân Á loại 15 lít trị giá: 850.000 đồng;
 - + 01 máy bơm hiệu Sakayo, mã VN1.5-DK15 trị giá: 375.000 đồng;
 - + 01 tủ lạnh hiệu Aqua, mã AQR-U185AN trị giá: 2.750.000 đồng;
 - + 01 máy giặt hiệu Aqua, mã AQW-F800Z1T trị giá: 3.000.000 đồng;
 - + 01 bếp ga hiệu Excel trị giá: 450.000 đồng;
 - + 01 máy lọc nước hiệu Mitshu trị giá: 600.000 đồng;
 - + 01 nồi cơm điện hiệu Cookchen trị giá: 350.000 đồng;
 - + 01 xe máy Air Blade, BKS: 38P1-18902 trị giá: 8.000.000 đồng;
 - + 01 giường gỗ đôi trị giá: 800.000 đồng;
 - + 01 giường gỗ tạp trị giá: 500.000 đồng;
 - + 01 sập gỗ lim trị giá: 800.000 đồng;
- Tổng giá trị được định giá là: 19.950.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản chung của hai vợ chồng là: 138.073.000 đồng
(Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi ba ngàn đồng chẵn).

Xét đây là khối tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, anh T và chị Q đều thừa nhận cùng nhau đóng góp tạo dựng mà có. Các tài sản của hai vợ chồng tạo dựng nằm trên thửa đất của ông bà nội để lại cho anh T quản lý, sử dụng. Anh T không đồng ý nhập vào tài sản chung để chia. Chị Quyên thừa nhận đất ở và đất vườn ở là của ông bà nội để lại cho anh T, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai bên đã thỏa thuận chia đôi tài sản, giao toàn bộ tài sản là nhà ở và các tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân cho anh Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng.

Chị Đinh Thị Q chỉ nhận lại:

- 01 giường gỗ đôi trị giá: 800.000 đồng;
- 01 máy giặt hiệu Aqua, mã AQW-F800Z1T trị giá: 3.000.000 đồng;
- 01 máy lọc nước hiệu Mitshu trị giá: 600.000 đồng;

- 01 sập gỗ lim trị giá: 800.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản bằng hiện vật được chia để chi Q quản lý sử dụng là: 5.200.000 đồng.

Theo nguyên tắc tài sản được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì phải phụ chia phần chênh lệch cho nhau. Anh Nguyễn Văn T thỏa thuận phụ chia giá trị chênh lệch tài sản cho chị Đinh Thị Q số tiền là: 63.836.500 đồng. Việc thỏa thuận phân chia tài sản của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015, điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b mục 1.1 phần II danh mục kèm theo Nghị quyết.

Chị Đinh Thị Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn chị đã nộp tại cơ quan thi hành án huyện Hương Khê theo biên lai số AA/2016/0004112 ngày 18/10/2017. Chị Đinh Thị Q và anh Nguyễn Văn T phải nộp mỗi người là 1.725.913đ tiền án phí chia tài sản.

Về chi phí thẩm định và định giá chị Đinh Thị Q đã nộp đầy đủ, tại phiên tòa hôm nay các đương sự không có yêu cầu gì thêm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; khoản 1 Điều 59; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2, 3, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b mục 1.1 phần II danh mục kèm theo Nghị quyết. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Xử cho chị Đinh Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Giao con Nguyễn Bảo L, sinh ngày 02/2/2004; Nguyễn Bảo V, sinh ngày 02/2/2004; Nguyễn Hoài N, sinh ngày 03/10/2007 cho chị Đinh Thị Q trực tiếp nuôi

dưỡng cho đến khi các con trưởng thành. Chị Đinh Thị Q không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này và anh Nguyễn Văn T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên trực tiếp nuôi dưỡng các con.

3. Về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thừa nhận vợ chồng có khối tài sản được quyền sở hữu các tài sản sau:

Tài sản chung của hai vợ chồng có tổng giá trị: 138.073.000đ (*Một trăm ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi ba ngàn đồng*).

3.1. Giao cho chị Đinh Thị Q sử dụng các tài sản bao gồm:

- 01 giường gỗ dũi trị giá: 800.000 đồng;
- 01 máy giặt hiệu Aqua, mã AQW-F800Z1T trị giá: 3.000.000 đồng;
- 01 máy lọc nước hiệu Mitshu trị giá: 600.000 đồng;
- 01 sập gỗ lim trị giá: 800.000 đồng;

Tổng trị giá tài sản giao cho chị Đinh Thị Q là 5.200.000 đồng (*Năm triệu hai trăm ngàn đồng*).

3.2. Giao cho anh Nguyễn Văn T sử dụng các tài sản bao gồm:

- Công trình, vật kiến trúc:
 - + Nhà kết cấu bằng gỗ 2 gian (chưa tính phần xây bao): Nhà khung gỗ nhóm 2, chiều cao trung bình cột 4,5m; mái lợp ngói 22v/m² ; nền lát bằng gạch ceramic; không trần trị giá: 40.488.525 đồng;
 - + Khối xây tấp lô, trát vữa xi măng (xây bao quanh nhà gỗ) trị giá: 3.649.779.000 đồng;
 - + Nhà xây bao (chưa tính phần khung gỗ và mái), tường tấp lô 150, nền lát gạch, quét vôi ve, cao 4m, lát gạch, không có cửa trị giá: 12.326.706 đồng;
 - + Mái ngói (phần nhà xây bao) 22 viên/m² , xà gồ nhóm 3-4, cầu phòng, mèn gỗ nhóm 5-6 trị giá: 3.980.025 đồng;
 - + Khối xây tấp lô (phần nhà phụ phía sau) trị giá: 2.813.029 đồng;
 - + Mái lợp fibro xi măng xà gồ gỗ nhóm 5-6 trị giá: 1.236.178 đồng;
 - + Nhà tắm, nhà tiểu đơn giản: Móng đá, tường tấp lô 150 trát xi măng, nền láng xi măng, mái lợp fibro trị giá: 1.246.140 đồng;
 - + Mái hiên: Lợp fibro xi măng xà gồ gỗ nhóm 5-6 trị giá: 1.763.868 đồng;
 - + Bê tông cốt thép các loại (trụ, dầm) trị giá: 2.712.701 đồng;

- + Lan can hành lang con tiện xi măng, giằng bê tông trị giá: 661.500 đồng;
 - + Khối xây tấp lô, có trát vữa xi măng (phần hiên nhà) trị giá: 1.305.612 đồng;
 - + Khối xây tấp lô (bờ bao phân sân vườn) trị giá: 1.747.463 đồng;
 - + Khối xây tấp lô (hồ nước) trị giá: 408.004 đồng;
 - + Cột cổng không có mái; móng xây đá hộc kết hợp BTCT, thân xây tấp lô, trụ có lõi BTCT, trát vữa xi măng, ốp gạch ceramic trị giá: 4.073.682 đồng;
 - + Giếng đào trị giá: 584.187 đồng;
 - + Ống giếng bê tông ĐK 700, thành dày 50-70, mác 150 trị giá: 433.125 đồng;
 - + Nền giếng bê tông gạch vỡ mác 75 trị giá: 367.080 đồng;
 - Cây cối, hoa màu:
 - + 04 cây bưởi Phúc Trạch trồng trên vùng chỉ dẫn địa lý (Hương Trạch) loại có quả ổn định từ 20-40 quả/năm trị giá: 6.800.000 đồng;
 - + 16 cây bưởi Phúc Trạch trồng trên vùng chỉ dẫn địa lý (Hương Trạch) loại trồng trên 4 năm có quả dưới 20 quả/năm trị giá: 20.800.000 đồng;
 - + 38 cây bưởi Phúc Trạch trồng trên vùng chỉ dẫn địa lý (Hương Trạch) loại 1-4 năm chưa có quả trị giá: 6.840.000 đồng;
 - + 19 cây dó trầm loại có đường kính 9-15cm trị giá: 2.261.000 đồng;
 - + 01 cây dó trầm loại có đường kính 25-35cm trị giá: 224.000 đồng;
 - + 02 cây cau cảnh đường kính 10-20cm trị giá: 400.000 đồng;
 - + 05 cây mít đường kính 10-20cm trị giá: 1.000.000 đồng;
 - Tài sản, vật dụng khác:
 - + 01 bồn nước hiệu Sơn Hà loại 1000 lít trị giá: 1.475.000 đồng;
 - + 01 bình nóng lạnh hiệu Tân Á loại 15 lít trị giá: 850.000 đồng;
 - + 01 máy bơm hiệu Sakayo, mã VN1.5-DK15 trị giá: 375.000 đồng;
 - + 01 tủ lạnh hiệu Aqua, mã AQR-U185AN trị giá: 2.750.000 đồng;
 - + 01 bếp ga hiệu Excel trị giá: 450.000 đồng;
 - + 01 nồi cơm điện hiệu Cookchen trị giá: 350.000 đồng;
 - + 01 xe máy Air Blade, BKS: 38P1-18902 trị giá: 8.000.000 đồng;
 - + 01 giường gỗ tạp trị giá: 500.000 đồng;
- Tổng trị giá tài sản giao cho anh Nguyễn Văn T là: 132.873.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

Anh Nguyễn Văn Th phải có trách nhiệm phụ chia tài sản cho chị Đinh Thị Q với số tiền là: 63.836.500 đồng (*Sáu mươi ba triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng*)

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án phải thực hiện theo quy định tại các điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn, chị Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0004112 ngày 18/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Khê. Nay chị Đinh Thị Q còn phải nộp tiếp 1.725.913 đồng (*Một triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm mười ba đồng*) tiền án phí chia tài sản và anh Nguyễn Văn T phải nộp 1.725.913 đồng (*Một triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm mười ba đồng*) tiền án phí chia tài sản.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Trọng Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Minh

Đặng Công Thanh

Lê Trọng Hùng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Hương Trạch;
- Chi cục THADS huyện Hương Khê;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trọng Hùng

